

## TỪ ĐỊNH NGHĨA CỦA VĂN HÓA

Cho đến nay, chưa phải mọi người đã đồng ý với nhau tất cả về định nghĩa của văn hóa. Chỉ cần nhắc lại rằng, từ năm 1952, hai nhà Mỹ Kroiber (A.L.Kroeber) và Klúc Klúchôn (C.Kluckhohn) đã trích lục được trên dưới ba trăm định nghĩa, mà các tác giả khác nhau của nhiều nước từng phát ra từ trước nữa cho đến lúc bấy giờ(1). Tất nhiên, không phải trong từng trường hợp nào các định nghĩa ấy cũng thống nhất với nhau, hay có thể hòa hợp với nhau để bổ sung cho nhau. Dù sao, vẫn có thể căn cứ vào đây để bước đầu nhận thức nội dung của hai chữ văn hóa, hòng từ đó các tác giả khác bước thêm một bước vào những mảnh đất cụ thể hơn.

Cố học các bậc đi trước, cộng thêm vào đấy đôi tí suy nghĩ riêng tư của một người làm dân tộc học trên điền dã, tôi thấy có thể chủ quan thu hẹp khoảng cách giữa các kiểu nhìn khác nhau, để rồi chỉ còn soi vào văn hóa từ hai góc nữa thôi:

- Góc rộng, cũng có thể gọi là góc nhìn “dân tộc học”, dù cho nó là góc chung của nhiều ngành khoa học xã hội;

- Góc hẹp, thông dụng trong cuộc sống hàng ngày, mà tôi tạm gọi là góc nhìn “báo chí”.

Quanh góc thứ nhất, góc nhìn “dân tộc học”, có một điều có thể nói ngay. Dù có khác nhau đến mấy đi chăng nữa, khác nhau về xứ sở xuất thân, về thời điểm hoạt động, về ý thức hệ tôn giáo hay triết học, về trường phái khoa học họ chấp nhận và bảo vệ,

về xã hội họ chọn làm đối tượng khảo sát... thì đại đa số các nhà dân tộc học đều thống nhất về mục đích chung mà họ đeo đuổi khi làm nghề. Mục đích ấy là tìm hiểu *văn hoá* của từng xã hội, nói cho dân tộc học hơn là của từng cộng đồng, ở đây có thể chỉ là một làng, hay một tập hợp gồm nhiều làng, thường là một dân tộc, có khi là cả một nước, thậm chí một khu vực lớn gồm nhiều nước gần gũi nhau về nhiều mặt.

Văn hóa, như vậy, không tự hạn chế vào một số biểu hiện của cuộc sống tinh thần. Nó là toàn bộ cuộc sống - cả vật chất, xã hội, tinh thần - của từng cộng đồng. Toàn bộ cuộc sống. Chính vì thế mà nhiều nhà dân tộc học, qua mấy mươi năm gần đây, có xu hướng thay thế hai chữ văn hóa bằng *nếp sống*.

Cố mãi, mà tôi vẫn không làm sao nhớ được nhà dân tộc học nào đã phát biểu một câu khá “giật gân” về văn hóa. Nếu là định nghĩa, thì đấy hẳn là định nghĩa ngắn gọn nhất, tuy không nhất thiết là đầy đủ nhất. Đại khái, ông ta (hay bà ta) nhận xét như sau: Tất cả những gì không phải là *thiên nhiên* đều là *văn hóa*.

Quả vậy, trước những đòi hỏi đa dạng của cuộc sống hàng ngày, hầu hết mọi loài động vật, kể cả động vật cao cấp sau loài người, như tinh tinh, hay đười ươi, đều phản ứng bằng bản năng vốn có của loài mình. Bản năng là “vốn có” do đó cũng là thiên nhiên. Riêng loài người cũng có bản năng, và nhiều khi con người cũng hành động theo bản năng: những lúc khóc, cười, sợ hãi, thích thú, ăn uống, giao hợp... Nhưng các bản năng ấy, từ thuở từng con người mới ra đời, đã bị xã hội bên ngoài nó - dù đấy chỉ là mẹ, là chị, là vú... - kiểm soát dần. Càng lớn dần, con người càng bị chế ngự, được xã hội thông qua gia đình và nhiều tổ chức rộng rãi hơn - ở ta, chẳng hạn là họ hàng, làng xóm, trường học, các đoàn thể xã hội và chính trị... - mà từng bước

truyền cho những cách ứng xử nhất định trước từng trường hợp cụ thể của đời sống.

Còn những bản năng không thể nào chặn đứng được, vì chúng gắn quá chặt với sự sống, như ăn uống, giao hợp..., cả chết nữa, thì từng cộng đồng “văn hóa hóa” chúng lên bằng những nghi thức xã hội hay tôn giáo, mà hiệu quả cuối cùng là kiềm tỏa chúng lại trong vòng cộng đồng chấp nhận được.

Sau đây là một số ví dụ, mỗi ví dụ minh họa cho một mặt của văn hóa: vật chất, xã hội, tinh thần. Nhưng không ví dụ chỉ để ví dụ, mà còn để dựa vào đó thử đi sâu thêm tí chút vào định nghĩa của văn hóa:

- Thực ra, từng nền văn hóa, xét cho cùng, đều là hậu quả của việc từng cộng đồng, để tồn tại, phải thích ứng với thiên nhiên bao quanh nó. Ở đồng bằng, chẳng hạn, người Việt (hay Kinh) trồng lúa nước; trong khi đó, dọc Trường Sơn hay trên cao nguyên, các tộc Thượng chủ yếu là trồng lúa mọc trên đất khô. Tất nhiên, ví dụ trên chỉ đưa ra một nét văn hóa, một nét vật chất, chưa đề cập đến toàn bộ nền văn hóa, dù Thượng hay Việt. Có một điều cần được nhấn mạnh thêm. Trước sức cản trở mà thiên nhiên gây ra đối với cuộc sống của mình, con người không thể vượt qua thuần bằng bản năng như các động vật khác, mà chỉ có thể đối đầu bằng cách cùng cộng đồng mình cải tạo thiên nhiên, thay đổi bộ mặt của nó, buộc nó không còn là thiên nhiên như cũ nữa, bắt nó phục vụ lại mình. Như thế, ta cũng thấy rõ hơn bản năng “cũng là thiên nhiên”, do đó mà đối lập với văn hóa (nếu chấp nhận định nghĩa mà tác giả mà tôi đã nhớ quên tên).

- Thuần hóa thiên nhiên đâu phải là công việc của từng cá nhân lẻ tẻ. Như ta đã biết, nó không viện đến bản năng có sẵn trong từng con người, mà đòi sự hợp tác chặt chẽ của mọi người

trong từng cộng đồng giữa một thiên nhiên riêng biệt. Và để giữ cho một liên kết ấy, từng cộng đồng, tùy trường hợp cụ thể của mình, phải đặt ra những quy tắc tổ chức riêng biệt, vốn không có ngay từ đầu trong bản năng của loài người: nhóm nhỏ đồng huyết, trong môi trường chật hẹp của từng xích đạo(2); thị tộc và bộ lạc trong môi trường rộng thoáng của đồng cỏ(3); công xã định cư, khi con người đang chuyển qua trồng trọt(4); từng vùng gồm nhiều công xã như thị tộc và bộ lạc. Mỗi thị tộc là một nhóm đồng huyết, nhiều thị tộc cùng ngôn ngữ và tập quán liên kết lại thành một bộ lạc(5). Lấy nhau, phải lấy ngoài thị tộc (ngoại hôn), nhưng trong cùng bộ lạc (nội hôn).

- Có lẽ chả cần phải nhiều lời quanh các biểu hiện tinh thần của văn hóa. Ở trên, tôi đã nói rằng một số bản năng, vì “gắn quá chặt với sự sống”, không thể hoàn toàn bị “chặn đứng”, mà được “văn hóa hóa” lên bằng “nghị thức xã hội hay tôn giáo”: phép ăn uống, cách cư xử với nhau trong gia đình và ngoài xã hội, đám cưới, cả đám tang nữa... Riêng về các biểu hiện tôn giáo, có thể nói rằng chúng hướng đến chỗ áp đặt lại một nhu cầu, mà chỉ con người, giữa các động vật cao cấp nay còn đấy, mới có: “thắc mắc” về gốc gác và tương lai của thế giới mà mình hàng ngày góp công cải tạo; “thắc mắc” về đêm qua và ngày mai của cái hôm nay mà mình đang sống. Nhưng, nghĩ cho cùng, cứ tạm xem đấy là một thứ bản năng không “chặn đứng” được, mà từng cộng đồng phải thỏa mãn, dù chỉ đến một mức nào đó, cho mọi thành viên của mình. Thỏa mãn trên bình diện từng cộng đồng, đương nhiên. Và thỏa mãn cả bằng nghị thức, có thể nói chủ yếu bằng nghị thức.

Cuối cùng, vài đặc điểm của văn hóa nói chung, không tính đến chỗ nó thuộc cộng đồng nào:

- Từng mô thức ứng xử không phải là con đẻ của kinh

nghiệm cá nhân, hay kinh nghiệm của riêng một thế hệ. Là mô thức, mà mô thức nào chả là sản phẩm của tập thể, nó dễ dàng được truyền đạt từ thế hệ trước đến thế hệ sau, cứ thế mà được gìn giữ qua thời gian lâu dài. Và truyền đạt, như đã nói, thông qua các tổ chức xã hội, từ gia đình đến những tổ chức lớn hơn;

- Hơn nữa, các mô thức không đứng riêng mỗi mô thức một mình mà đan vào nhau, tác động lẫn nhau, bổ sung cho nhau, điều chỉnh nhau, hợp thành một tổng thể cân bằng, mà nhà dân tộc học gọi là một nền văn hóa, hay một nếp sống. Nói một cách khác, những thành phần khác nhau của một nền văn hóa không luôn luôn mâu thuẫn với nhau, không triển miên xung đột lẫn nhau, không quyết liệt loại trừ nhau, và điều đó đảm bảo cho mỗi cá nhân trong cộng đồng một nhân cách tương đối thống nhất;

- Tuy động lại thành những mô thức, văn hóa không vì vậy mà đông lại qua thời gian. Sản xuất được nâng lên cao, chẳng hạn, nhu cầu từng người trong cộng đồng, từ ăn uống trở đi, không còn như cũ, và đòi hỏi những ứng xử mới, miễn sao cho những nét mới này, khi vừa được tiếp thu, không đảo lộn hệ thống những mô thức cố hữu.

Sau rốt, lịch sử cho đến hôm nay là cuộc chuyển biến dài hơn từ phương thức sản xuất này qua phương thức sản xuất kia. Chuyển biến chậm chậm thôi, rất chậm, qua hàng trăm năm, phải là hàng nghìn năm vào buổi đầu của thời kỳ lịch sử, có khi hơn thế. Tiên tiến, như người ta thường nói. Nhưng khi một quan hệ sản xuất mới đã hình thành, đại diện cho một phương thức cũ cố cưỡng lại, thì tất yếu nổ ra khủng hoảng. Ở mặt sau sân khấu, là một cuộc khủng hoảng không phải luôn luôn lộ mặt cho lịch sử nhận diện, nhưng lâu dài hơn: khủng hoảng văn hóa. Những mô thức ứng xử mới đòi thay thế những mô thức cũ,

thậm chí đòi phá vỡ nền văn hóa cũ, dành chỗ ra đời cho một nền văn hóa mới. “Lâu dài hơn”, vì khủng hoảng văn hóa đã ló mặt từ khi chưa bùng nổ khủng hoảng chính trị, và có thể kéo dài nữa khi khủng hoảng chính trị đã chấm dứt. Dù sao, khủng hoảng, cả văn hóa lẫn chính trị, ngắn hơn nhiều, so với những biến đổi tiên tiến của sức sản xuất. Nước ta, cũng như nhiều nước khác trên thế giới, hiện đang chứng kiến một cuộc khủng hoảng văn hóa to lớn và nhiều mặt, có thể nói là chưa từng thấy.

Kể ra, quanh hai chữ văn hóa hiểu theo nghĩa “dân tộc học”, người ta còn bàn cãi nhiều nữa, đi vào nhiều đặc tính và khía cạnh tỉ mỉ hơn. Nhưng chỉ thế này thôi, tưởng cũng đã hòm hòm để mỗi chúng ta ra đi từ đây mà tự tạo cho mình một ý niệm ban đầu về văn hóa, văn hóa dưới góc nhìn “dân tộc học”.

Còn về góc nhìn gọi là “báo chí”, tôi sẽ cố gắng nói càng gọn càng tốt. Không phải không có gì để nói, mà bởi vì khoanh vấn đề lại thực quá gay go. Góc nhìn thì hẹp hơn, so với góc “dân tộc học”, vì không tỏa ra khắp mọi mặt - vật chất, xã hội, tinh thần - của cuộc sống trong từng cộng đồng qua từng thời kỳ một. Nhưng nghĩa gắn cho nó, do không được câu thúc trong khuôn khổ của từng ngành khoa học cụ thể, trái lại, phụ thuộc vào những biến động của cuộc sống hàng ngày ở từng nơi, từng lúc, lại khá mờ lung. Hơn nữa, cho đến nay tôi chưa được tiếp xúc với một công trình nào nghiêm chỉnh mà khiêm tốn, như cuốn sách của Kroibơ và Klúchôn(6), nhằm tổng kết lại nghĩa của hai chữ văn hóa dưới góc nhìn “báo chí”.

Trong các ngôn ngữ Âu châu, từ văn hóa (culture trong tiếng Pháp, tiếng Anh, Kultur trong tiếng Đức..., và những dạng tương tự) vốn có nghĩa là trồng trọt. Phải từ cuối thế kỷ XVIII nó mới được áp dụng vào con người và các xã hội khác nhau của con người, chủ yếu để chỉ những kiến thức mà từng người và

từng xã hội có thể đạt đến. Mà quả vậy, nếu hoa lá, trái, củ... là kết quả của trồng trọt theo nghĩa đen, thì kiến thức là kết quả của trồng trọt theo nghĩa bóng: muốn đạt đến kiến thức, con người và xã hội phải tuân tự thực hiện mọi khâu lao tác, từ vỡ đất cho đến thu hoạch. Nói một cách khác, chữ “trồng trọt” hiểu theo nghĩa bóng (mà ta dịch ra tiếng Việt là văn hóa) được gói gọn trong phần tinh thần của văn hóa nhìn dưới góc “báo chí” đã loại khỏi nội dung của nó mọi biểu hiện của cuộc sống vật chất xã hội. Có thể nói rằng từ văn hóa hiểu theo nghĩa đó vẫn tồn tại cho đến hôm nay.

Mặt khác, đừng tưởng rằng dân tộc học, ngay từ buổi sơ sinh, đã biết nhìn văn hóa dưới một góc khác với góc “báo chí”. Không, từ khi mới ra đời, nó đã tiếp thu một cách hết sức tự nhiên nghĩa thông thường vừa nói trên của từ văn hóa. Chẳng thế mà mãi đến nửa sau của thế kỷ XIX, khi dân tộc học hầu đã trở thành một ngành khoa học hẳn hoi và riêng biệt, Tailor (Tyler), một nhà nghiên cứu nổi tiếng ở Anh đương thời, đã định nghĩa văn hóa là một tổng thể phức tạp, bao gồm kiến thức, tín ngưỡng, luật pháp, đạo lý, các tập quán...

Ta thấy đấy, định nghĩa này không dả động một cách rõ ràng đến văn hóa vật chất. Phải chờ đến nửa đầu của thế kỷ XX này, thì nhà dân tộc học Mĩ Malinópxki (Malinowski), rồi đến Hócxkivítx (Herskovits), một nhà dân tộc học Mĩ khác, mới đưa thêm vào định nghĩa, vị thứ nhất cả công cụ sản xuất và sản phẩm tiêu thụ, còn vị thứ hai thì các kỹ thuật và nền sản xuất nói chung của từng xã hội. Từ đây, có thể nói thế, dân tộc học mới bắt đầu nhìn văn hóa bằng cặp mắt riêng của mình, khác với cặp mắt thông thường mà tôi tạm gọi là cặp mắt “báo chí”.

Quay về với văn hóa nhìn dưới góc độ “báo chí”, văn hóa được hiểu là kiến thức của con người, của xã hội, điều đập ngay

vào mắt là nghĩa của nó đâu có “mười phân rõ mười”. Mơ hồ lạ ! ừ thì kiến thức, nhưng kiến thức gì mới được chú ? Chũ nghĩa, kiến thức văn chương, kiến thức khoa học, tạm được đi ! Nhưng còn các ngành nghệ thuật, từ ca hát, đàn địch, cho đến vẽ, hay đắp tượng ? Thực ra, trong cuộc sống hàng ngày, hai chữ văn hóa được mở rộng nghĩa ra, hay bị thu hẹp nghĩa lại, điều đó phụ thuộc vào từng người nói, người viết, vào từng câu chuyện được đem ra bàn. Ngoài số ít các nhà khoa học xã hội ra, đặc biệt các nhà dân tộc học, không mấy ai đem từ văn hóa ra lật đi lật lại để xem xét, phân tích. Người ta cứ nói, cứ dùng: một từ như mọi từ đấy thôi mà rồi chẳng mấy khi người nói và người nghe hiểu lẫn nhau, bởi lẽ, mỗi lần được dùng đến, hai chữ văn hóa đều được đặt vào mạch cụ thể của câu chuyện đang bàn. Cứ thế...

Cứ thế, cho đến khi thế chiến II bùng nổ, rồi kết thúc, các nước Âu-Mĩ, từng bước một, ra khỏi hoàn cảnh chiến tranh, chuyển sang thời hậu chiến. Từ đó đến nay, gần năm mươi năm đã trôi qua. Giữa vô vàn cái mới của thời hậu chiến, mà tôi không thể nào kể hết ra đây, có một cái mới nổi bật trên bề mặt cuộc sống hàng ngày của từng con người: cái mới trong nếp sống gọi là “văn hóa”. Những cách hát mới, những điệu múa mới, những kiểu cách mới trong kịch, trong phim, những tiểu thuyết mới được xếp vào nhiều thể loại mới, cả những mốt mới trong ăn uống, ăn mặc, ăn chơi... hàng năm được tung ra thị trường, lôi cuốn theo rất nhiều người thuộc nhiều tầng lớp và lứa tuổi, khuấy động hẳn cuộc sống hàng ngày lên. Trước tình hình mới đó, và để kịp thời đối phó với nó, mà đối phó hàng ngày, các nhà báo có nhiệm vụ điều khiển dư luận của công chúng, điều khiển, tất nhiên, theo cách nhìn của tổ chức xã hội hay chính trị mà tờ báo chỉ là một công cụ, và điều khiển thông qua việc phản ánh, phân tích những biến động trong cuộc sống hàng ngày. Làm



công việc của mình, các nhà báo thường viện đến hai chữ văn hóa, như một khái niệm còn mơ hồ, nhưng vốn có và dễ dùng.

Mới nói qua như vậy, người nghe không khỏi hiểu rằng, với thời hậu chiến ta đang sống hôm nay, văn hóa, văn hóa dưới góc “báo chí” ấy, đã ít nhiều thay đổi nghĩa, nói cho đúng hơn là đã mở rộng nghĩa. Trước kia, trong thời tiền chiến, văn hóa phải là kiến thức, có thể là kiến thức đã được nhồi nắn lại qua nhiều năm tư biện, nhưng, dù sao, vào buổi đầu, vốn được rút ra từ sách vở, còn ngày nay thì chiếc quần bò đã là một biểu hiện của văn hóa. Đã thế, nếu người mặc biết mài quần đi cho nó phong sương hơn, nhất là thêm chất thơ vào bằng cách đính vài miếng vá, dù quần chưa thủng, thì đấy hẳn là biểu hiện cao của văn hóa. Mà một chiếc quần thì ít nhiều đã là văn hóa vật chất. Như vậy, chỉ qua một chiếc quần bò, mà văn hóa dưới góc nhìn “báo chí” đã ít nhiều nhích lại gần văn hóa hiểu theo nghĩa “dân tộc học”.

Nghĩ như thế chưa phải đã hoàn toàn sai. Vì văn hóa ngày nay, văn hóa dưới góc “báo chí”, đã hướng về lối sống hơn là về kiến thức: lối sống gấp, đằng sau là những biến đổi nhanh của xã hội. Dù sao, cho đến nay, văn hóa “báo chí” và văn hóa “dân tộc học” vẫn chưa hòa lại làm một. Cày ruộng, dưới mắt nhà dân tộc học, là văn hóa, nói cho rõ hơn là văn hóa vật chất, và người cày ruộng tốt là người có văn hóa, mặc dầu người ta không quen nói thế: bằng công việc của mình làm anh tỏ ra đã nắm vững một ứng xử được truyền qua nhiều đời, trong khuôn khổ toàn bộ nền văn hóa của dân tộc anh. Nhưng dưới con mắt “báo chí”, tôi muốn nói dưới con mắt nhìn vào cuộc sống hàng ngày, người đi cày kia không nhất thiết có văn hóa, và một khi có đủ bằng chứng rằng anh ta không biết chữ, do đó không đọc sách được, không viết thư được, thì rõ ràng anh là người “vô văn hóa”. Văn

hóa dưới góc nhìn “báo chí”, dù đã “hướng về lối sống hơn là về kiến thức”, vẫn còn quy chiếu vào kiến thức, vào sách vở.

Có điều rằng thẩm nhuần văn hóa tinh thần đến mức nào thì mới được xem là người có văn hóa? Cái mơ hồ là ở chỗ này. Ngay sau Cách mạng tháng Tám, một người Việt Nam mà biết đọc biết viết đã là người có văn hóa. Nhưng giờ đây, ở nông thôn miền Bắc, có lẽ phải học đến cấp II mới được xem là người có văn hóa. Còn ở thành thị, thì cấp III chẳng? Hay đại học? Thậm chí, sau đại học? Khó mà trả lời sao cho thỏa đáng.

Chưa hết, văn hóa tinh thần không chỉ là kiến thức sách vở, là chuyện đi học. Cho đến nay, ở châu Phi đen, ở châu Đại Dương..., nhiều dân tộc chưa có chữ viết, còn số người qua nhà trường mà biết đọc biết viết ngoại ngữ thì không đông. Nhưng từng dân tộc lại có một nền văn hóa, văn hóa dưới gốc “dân tộc học”. Từng dân tộc, ngoài các biểu hiện của văn hóa vật chất và xã hội ra, còn có văn hóa truyền miệng, âm nhạc, vũ đạo, có khi cả điêu khắc nữa, tất cả ít nhiều gắn với tôn giáo. Vậy những người sống và tự thực hiện trong các nền văn hóa ấy, văn hóa hiểu theo nghĩa “dân tộc học”, nhất là những con người gắn bó với các nghệ thuật vừa nêu trên, có đáng được xem là có văn hóa, văn hóa hiểu theo nghĩa “báo chí”, hay không? Nhất là khi xã hội của họ đã tiếp xúc với xã hội Tây phương, bước đầu bị thúc đẩy phải đặt chân lên con đường sống gấp của văn hoá hậu chiến. Thắc mắc này đang chờ được giải đáp. Mà những thắc mắc như vậy đâu phải ít.

Trên báo chí Pháp thời gần đây, có xu hướng phân biệt *trí thức* với *chuyên viên*. *Trí thức* là người có học, và đã học đến mức có văn hóa, văn hóa dưới góc nhìn “báo chí”.

Còn chuyên viên là người đi sâu vào một hướng hiểu biết

nhất định, thường là khoa học tự nhiên hay kỹ thuật, mà khoa học và kỹ thuật của thời nay, do đó phải học tập nhiều, có thể là nhà bác học, nhưng lại không nhất thiết có văn hóa, văn hóa hiểu theo nghĩa “báo chí”. Nhưng có đi học, biết chuyên môn, dù y hay toán, mà chưa nhất thiết là trí thức, thì phải biết cái gì, biết đến đâu, mới là người có văn hóa? Một lần nữa, mông lung hết chỗ nói.

Nhưng cũng đừng vì vậy mà trách cứ các nhà báo. Là những người phải viết hàng ngày, hàng tuần, phải nhận xét, và nếu cần thì nhận định, về diễn biến thường vượt xa tầm nhìn của một người, đã thế lại không có thì giờ, như nhà nghiên cứu, để chiêm nghiệm lâu trên những tài liệu mình có trong tay, người làm báo nhiều khi phải đối phó với tình hình bằng những khái niệm mà họ tung ra thế thôi, cho dễ nói, mỗi khái niệm chỉ nhằm phản ánh một hiện tượng, một vụ, một việc. Dù sao, lối phân biệt trí thức với chuyên viên, và khái niệm văn hóa được bao hàm trong đó, lại mật thiết liên quan đến cuộc sống hiện nay, cuộc sống hàng ngày. Và lại, tuy không phải là điều mà người viết phải thường xuyên viện đến, nó vẫn thỉnh thoảng trở đi trở lại trên mặt báo, ít nhất cũng ở Pháp trong thời mới đây. Vì vậy, ta cũng nên quan tâm đến nó.

Điều có thể đoán, trên cơ sở một số bài báo ngẫu nhiên đọc được, là người trí thức không dừng lại ở vô thức của mình, mà, trên mảnh đất ấy, còn nhìn vào cuộc sống bao quanh mình, để tự vấn và tìm cách tự đáp. Không nhất thiết anh ta phải đề ra một chủ trương trước từng biến động của đời sống. Anh có thể thắc mắc nhiều, lật đi, lật lại vấn đề, mà vẫn không nhìn ra lối thoát. Hơn nữa, anh còn có thể thắc mắc chỉ để thắc mắc, lật đi lật lại vấn đề để lật đi lật lại, gần như lấy việc đó làm một trong những lẽ sống ở đời này. Tóm lại, cuộc sống lắng lại trong anh,

qua quan sát và suy tư.

Không cần phải nói nhiều, ai cũng thấy rằng hiện tượng vừa nêu là đặc thù của một nước tư bản, đặc biệt của nước Pháp, nơi mà trí thức thuộc các tầng lớp trung gian đóng một vai nổi bật trong tiếng nói tập thể của cuộc sống hàng ngày, dù cho chìa khóa vận hành xã hội vẫn ở trong tay giai cấp tư bản. Nó không phải (ít nhất cũng chưa phải) là đặc thù của một nước xã hội chủ nghĩa, hay đang tiến lên chủ nghĩa xã hội. Hơn nữa, hiện tượng ấy lại gắn liền với một xã hội có kinh tế phát triển cao về nhiều mặt, không phải với một xã hội nông nghiệp chậm tiến, vừa ra khỏi ba mươi năm chiến tranh, và đang bước đầu cố gắng để thoát vòng vây thắt chặt của nghèo nàn, lạc hậu. Ấy thế mà đừng tưởng rằng nó không gợi lên một số ý cho người bắt đầu suy nghĩ về tình hình văn hóa hiện nay ở ta. Nhưng đó lại là chuyện khác.

Những điều vừa trình bày trên còn quá sơ lược. Dù sao, tôi đã thử nhìn nhận hai chữ văn hóa từ một số góc khác nhau, tính đến những cách nhìn của nhiều tác giả, đồng thời cố tích hợp chúng lại vào một con mắt chung. Từ định nghĩa tổng hợp những còn sơ lược đó, bạn đọc có thể đi vào văn hóa bằng một bước chân vững hơn, không bị rối lên vì những quan điểm khác nhau của nhiều người viết. ít nhất thì đó cũng là mong mỏi của tôi.

---

1. A.L.Kroeber and Clude Kluckhohn, *Culture, a critical review of concept and definitions*. (Văn hóa, điểm lại bằng cặp mắt phê phán các khái niệm và định nghĩa). New York, Vintage Books, không ghi năm xuất bản (ra mắt lần đầu tiên vào năm 1952).

2. Người Nêgri (Négrille), cũng gọi là Píchmê (Pygnée) cư trú giữa

rừng xích đạo Phi châu, mới gần đây còn sống thành từng nhóm nhỏ cùng máu mủ, mỗi nhóm chỉ gồm không đầy bốn mươi người, và chiếm một diện tích rừng khá rộng: một vòng tròn mà đường kính dài trên dưới một trăm cây số. Rừng xích đạo là môi trường rất hẹp, với sáu lần tán cây cao thấp khác nhau, mặt đất lại rậm rạp những thực vật nhỏ, sau cơn mưa thì lầy lội, vì vậy thú săn nhỏ và hiếm. Cách đây chưa lâu, người Nêgri còn ở trình độ nguyên thủy, còn dùng công cụ đá giữa. Đi lại khó khăn, thú săn thì hiếm, sức tác động vào thiên nhiên lại yếu, họ không thể sống thành cộng đồng lớn. Tìm vợ, phải đi tìm ở nhóm khác, cách nhóm mình độ trăm cây số.

3. Ngược lại với người Nêgri (xem lại chú thích 2), người Úc bản địa, tuy cách đây chưa lâu cũng còn dùng công cụ đá giữa, cả công cụ hậu kỳ đá cũ trong đôi trường hợp. Lại sống giữa thảo nguyên mênh mông, nghĩa là trong môi trường rộng lớn đi lại dễ dàng, nhiều thú săn. Họ tổ chức xã hội thành cộng đồng lớn, đông người: thị thế dưới quyền cầm đầu của một tù trưởng chiến tranh (xem chú thích 5)... Những ví dụ trên chỉ nhắc đến một vài tổ chức xã hội sơ khai. Dù sao, cùng với các biện pháp nhằm sản xuất ra chất liệu nuôi dưỡng cuộc sống trong từng môi trường tự nhiên cụ thể, tổ chức xã hội, mà mục đích là tạo điều kiện để thi hành những biện pháp nói trên, cũng thuộc phạm trù văn hóa.

4. Con người, sau khi chuyển từ hái lượm và săn bắt qua trồng trọt và chăn nuôi (có nhà khảo cổ học gọi đấy là “cách mạng đá mới”), dần dần định cư lại, sống thành làng độc lập, trong đó mọi người không nhất thiết là cùng máu mủ. Trong một giai đoạn dài, đất trồng trọt là của chung của làng, không thuộc quyền tư hữu của ai. Ứng với quyền sở hữu tập thể ấy cách quản lý làng cũng rất dân chủ: tù trưởng làng thường xuyên được các bộ lão góp ý cho, khi cần thì hỏi ý kiến toàn dân làng. Ăngghen gọi là thể chế “công xã nông thôn” (hay “công xã nông nghiệp” thì cũng thế).

5. Nhiều làng độc lập, sống theo thể chế “công xã nông thôn” (xem

lại chú thích 3) có thể bị một tù trưởng lớn, gọi là thủ lĩnh cũng được, áp đặt quyền lực cá nhân của y lên trên. Hiện tượng này thường xảy ra vào giai đoạn sau của “công xã nông thôn”, khi đã có chiến tranh giữa các làng, vì có nhu cầu cướp sản phẩm thặng dư của nhau, cả cướp tù binh về làm nô lệ trong nhà cho những người chiến thắng. Đa số tù trưởng lớn là thủ lĩnh chiến tranh. Cũng có những thủ lĩnh tôn giáo, thủ lĩnh buôn bán... Dù thế nào, từng làng đặt dưới quyền lực của một tù trưởng lớn, ngoài một số bổn phận bắt buộc đối với thủ lĩnh, vẫn cơ bản giữ được cuộc sống riêng của mình, với cách tổ chức dân chủ của nó.

6. Xem lại chú thích 1.